TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2025/DS-ST
Ngày: 15-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH LONG AN

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út
2. Ông Lê Trọng Hiếu

- ***Thư ký phiên Tòa*:** Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 777/2024/TLST-DS ngày 15 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị V, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp 4, xã Phước Vân, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Trần Thị U, sinh năm: 1967 (Theo hợp đồng ủy quyền ngày 19/9/2024).

Địa chỉ: Ấp X, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Hồng Đ, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Ấp 5, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

(các đương sự đều có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo đơn khởi kiện ngày 19/9/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị U trình bày:* Bà Phạm Thị V có cho bà Võ Thị Hồng Đ vay tiền 05 lần, cụ thể như sau: ngày 12/3/2018 cho vay 3.000.000 đồng; ngày 18/4/2018 cho vay 4.000.000 đồng; ngày 11/6/2018 cho vay 5.000.000 đồng; ngày 20/7/2018 cho vay 6.000.000 đồng và ngày 06/8/2018 cho vay 2.000.000 đồng; Tổng cộng bà V cho bà Đ vay số tiền 20.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất. Khi vay tiền có thỏa thuận 02 tháng

trả nhưng đến hạn bà Đ không thanh toán khoản tiền vốn, lãi nào. Nhiều lần bà V đến nhà đòi bà Đ nhưng bà Đ không trả. Nay bà V khởi kiện yêu cầu bà Đ phải trả lại cho bà V số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng, bà V xác định không yêu cầu trả tiền lãi.

- *Trong các lời khai tại Tòa án, bị đơn bà Võ Thị Hồng Đ trình bày:* bà thừa nhận bà có vay tiền của Bà Phạm Thị V 05 lần như bà V trình bày, tổng số tiền bà vay của bà V là 20.000.000 đồng. Bà V tính lãi bao nhiêu thì bà không nhớ nhưng cứ khoảng 06 tháng thì bà trả tiền lãi cho bà V số tiền 13.000.000 đồng, mỗi năm bà trả lãi cho bà V tiền lãi 25.000.000 đồng. Đến khoảng năm 2020 thì bà có trả cho bà V số tiền 20.000.000 đồng và thỏa thuận với bà V là hết nợ vì bà đã trả nhiều tiền lãi và không còn khả năng trả tiền lãi nữa, lúc đó bà V cũng biết hoàn cảnh của bà khó khăn nên bà V đã đồng ý. Việc bà đưa tiền lãi và tiền vốn cho bà V không lập giấy tờ gì, do tin tưởng bà V nên bà không yêu cầu bà V trả lại bản chính giấy vay tiền cho bà. Đối với giấy vay tiền do bà V cung cấp cho Tòa án thì bà thừa nhận chữ viết, chữ ký tên trong giấy vay là của bà, nhưng hàng chữ "hẹn hai tháng trả" không phải do bà viết vì bà đã trả xong nợ. Nay bà không đồng ý trả cho bà V số tiền vốn vay là 20.000.000 đồng vì bà không còn nợ tiền bà V.

- *Tại phiên tòa:*

Bà Trần Thị U trình bày: bà V vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các lần cho bà Đ vay tiền bà V không yêu cầu bà Đ làm giấy nhận nợ mà sau đó mới gom lại và yêu cầu bà Đ làm giấy xác nhận lại một lần. Tất cả các nội dung trong tờ giấy do bà Đ tự viết và ký tên, còn hàng chữ "hẹn 2 tháng trả" là do bà V tự viết thêm vào vì đó là nội dung hai bên thỏa thuận nhưng bà Đ không ghi nên bà V tự viết thêm. Bà V khẳng định không còn giữ bất kỳ giấy nợ nào khác của bà Đ, bà Đ chỉ nợ bà V duy nhất số tiền 20.000.000 đồng đang tranh chấp. Đối với nội dung bà Đ trình bày đã trả các khoản tiền lãi và tiền gốc 20.000.000 đồng cho bà V và bà V đã xác nhận hai bên không còn nợ thì bà V xác định là hoàn toàn không có các nội dung mà bà Đ trình bày.

Bà Võ Thị Hồng Đ trình bày: bà không đồng ý yêu cầu của bà V. Mỗi lần vay tiền của bà V thì bà V đều yêu cầu bà viết vào quyển sổ ghi số nợ vay, đối với tờ giấy ghi nhận tổng số tiền các lần vay mà bà V cung cấp cho Tòa án là do bà ghi chú lại tổng số nợ để dễ theo dõi. Khi bà trả tiền lãi và tiền gốc cho bà V thì bà đưa trực tiếp cho bà V, cũng chỉ có bà và bà V chứ không có người khác chứng kiến, bà V nhận tiền xong thì ghi vào trong quyển sổ của bà V chứ bà V không làm giấy xác nhận đã nhận tiền lãi với bà. Khi bà trả số tiền 20.000.000 đồng cho bà V và thỏa thuận hết nợ thì cũng thỏa thuận bằng lời nói, bà V cũng tự ghi vào sổ của bà V và cũng không trả lại bà giấy vay tiền mà bà đã ghi số tiền nợ vay trước đó, lúc đó do bà tin tưởng bà V nên cũng không yêu cầu bà V đưa lại giấy vay tiền và giấy xác nhận có nhận tiền của bà. Do đó, nay bà yêu cầu bà V phải cung cấp cho Tòa án các giấy tờ mà bà V đã ghi các khoản nợ và số tiền lãi bà đã trả cho bà V thì bà mới đồng ý để Tòa án giải quyết. Việc bà V cho rằng không nhận khoản tiền lãi nào từ bà là vô lý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết: Bà Phạm Thị V khởi kiện yêu cầu bà Võ Thị Hồng Đ trả lại số tiền nợ vay, không yêu cầu trả tiền lãi là vụ kiện tranh chấp hợp đồng vay. Căn cứ theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bà V xác định cho bà Đ vay 05 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng nhưng bà Đ chưa trả khoản vốn, lãi nào cho bà V nên bà V yêu cầu bà Đ phải hoàn trả cho bà V số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Bị đơn bà Võ Thị Hồng Đ thừa nhận có vay của bà V 05 lần với tổng số tiền 20.000.000 đồng nhưng xác định đã trả xong tiền lãi và tiền vốn cho bà V, không còn nợ tiền của bà V, do đó bà Đ không đồng ý yêu cầu của bà V.

[2.2] Hội đồng xét xử xét thấy: căn cứ vào giấy xác nhận vay tiền và tại các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đ thừa nhận có vay của bà V 05 lần với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, đây là các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.3] Bà Đ không đồng ý trả lại bà V số tiền nợ vay 20.000.000 đồng vì bà Đ cho rằng đã trả tiền vốn, lãi cho bà V, yêu cầu bà V phải cung cấp các giấy tờ, sổ sách ghi nhận việc bà Đ đã trả xong vốn, lãi cho bà V nhưng bà V xác định không có các nội dung bà Đ trình bày, bà Đ cũng không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà Đ nên Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận lời trình bày của bà Đ. Do đó, cần buộc bà Đ có trách nhiệm trả lại cho bà V số tiền nợ vay chưa thanh toán 20.000.000 đồng.

[2.4] Đối với tiền lãi do bà V không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.5] Về án phí: bà Đ phải chịu toàn bộ án phí nhưng bà Đ là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí theo qui định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26; Điều 35, Điều 92; Điều 147; Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Phạm Thị V về việc "tranh chấp hợp đồng vay" đối với bà Võ Thị Hồng Đ.

Buộc bà Võ Thị Hồng Đ có trách nhiệm trả cho Bà Phạm Thị V số tiền vay còn nợ là 20.000.000 đồng (*bằng chữ: hai mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: bà Đ được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại Bà Phạm Thị V tiền tạm ứng án phí đã nộp 500.000 đồng theo biên lai số 0012581 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Thùy Trang